

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh Phúc**

Bản án số: 29/2022/HC-ST

Ngày: 27 - 5 - 2022

V/v: *Kiến quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đinh Thị Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Bùi Thị Kim Nga.

2. Ông Bùi Thế Hoà.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Thế Xuân - Thẩm tra viên Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên toà: Ông Trần Văn Lai - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 141/2021/TLST-HC ngày 28 tháng 12 năm 2021 về việc “*Kiến quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2022/QĐXXST-HC ngày 28/4/2022 giữa các đương sự:

* Người khởi kiện: Ông Nguyễn M và bà Trần Thị L - cùng địa chỉ: 85 đường L, tổ dân phố X, phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn M là bà Trần Thị L (Theo Giấy ủy quyền ngày 05/3/2022)- có mặt.

* Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thị xã B, tỉnh Đắk Lắk địa chỉ: Số 02 đường T, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Y C Mlô – Chức vụ: Phó chủ tịch UBND thị xã B, tỉnh Đắk Lắk(Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân thị xã B: Ông Võ Lê Mạnh H - Chức vụ: Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã B, tỉnh Đắk Lắk(Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số 02 đường T, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Mai Văn T và bà Trần Thị L, cùng địa chỉ: Số 964 đường H, phường T, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk (ông T có mặt, bà L vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

* Người làm chứng:

- Ông Nguyễn T; trú tại: Tổ dân phố X, phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

- Ông Phạm Đình N; trú tại: Số nhà 07, đường X, thôn Y, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa người khởi kiện bà Trần Thị L trình bày:**

Vợ chồng tôi là chủ sử dụng lô đất có diện tích 3.639,9m²; thuộc thửa đất số 30, tờ bản đồ số 3, lô đất tọa lạc tại: Tổ dân phố X, phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Đất có nguồn gốc do ông Nguyễn T, bà Phạm Thị H khai hoang. Năm 2006 vợ chồng tôi nhận chuyển nhượng lô đất trên từ ông Nguyễn T và bà Phạm Thị H. Trên đất có trồng cây cà phê kinh doanh. Từ khi nhận chuyển nhượng đất cho tới nay vợ chồng tôi sử dụng, canh tác ổn định và không tranh chấp với ai.

Hiện nay khi chúng tôi đi kê khai để làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì mới phát hiện toàn bộ thửa đất của chúng tôi thuộc một phần thửa đất thửa đất số 24a, tờ bản đồ số 10, diện tích 10.130m² (nay là thửa đất số 20, tờ bản đồ số 3) tọa lạc tại phường Đ, thị xã B của ông T, bà L đã bị UBND thị xã B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 771894 cho ông Mai Văn T và bà Trần Thị L, vào ngày 23/10/2012.

Việc UBND thị xã B cấp giấy CNQSD đất đối với thửa đất của chúng tôi cho ông T, bà L là không đúng vị trí, đối tượng sử dụng đất, đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của chúng tôi. Do đó chúng tôi đề nghị Tòa án xem xét và giải quyết: Hủy giá trị pháp lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 771894 do UBND thị xã B cấp 23/10/2012 mang tên ông Mai Văn T và bà Trần Thị L.

*** Quá trình tham gia tố tụng đại diện theo ủy quyền của người bị kiện, ông Y C Mlô trình bày:**

Theo cung cấp thông tin của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã B và hồ sơ lưu, quá trình cấp Giấy chứng nhận và biến động tại thửa đất số 24a, tờ bản đồ 10, diện tích 10.130 m² như sau:

+ Ngày 6/3/1995, ông Nguyễn T được UBND huyện K (nay là UBND thị xã B) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Số Đ 0457687 tại thửa đất số 24a, tờ bản đồ số 10, diện tích: 10130 m², mục đích sử dụng đất: đất màu; Ngày 22/4/2000, ông Nguyễn T chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại thửa đất số 24a, tờ bản đồ số 10, diện tích 10130 m² cho hộ ông Phạm Đình N, địa chỉ: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

+ Ngày 27/11/2000, hộ ông Phạm Đình N được UBND huyện K (nay là UBND thị xã B) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 888925 ngày 27/11/2000 tại thửa đất số 24a, tờ bản đồ số 10, diện tích 10130 m², mục đích sử dụng đất: đất màu;

+ Ngày 20/8/2012, hộ ông Phạm Đình N chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên cho ông Mai Văn T và bà Trần Thị L, ngày 23/10/2012, ông Mai Văn T và bà Trần Thị L được UBND thị xã B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 771894, ngày 23/10/2012 cho thửa đất số 24a, tờ bản đồ số 10, diện tích 10.130 m², mục đích sử dụng đất: đất trồng cây lâu năm.

+ Ông Nguyễn M thực hiện đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 30, tờ bản đồ số 3, diện tích 3639,9 m², thì nhận được phiếu hoàn trả hồ sơ số 68/2021, ngày 26/7/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã B trả lời với nội dung: hồ sơ kê khai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn M tại thửa đất nêu trên không đủ điều kiện để cấp, vì lý do: thửa đất số 30, tờ bản đồ số 03 (theo bản đồ địa chính mới) tương ứng với một phần của thửa đất số 24a, tờ bản đồ số 10 (theo bản đồ

địa chính cũ), diện tích 10.130 m² đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Mai Văn T theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BK 771894, cấp ngày 23/10/2012.

+ Ngày 9/9/2021, ông Nguyễn M có đơn đề nghị UBND thị xã thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 771894 được UBND thị xã B cấp ngày 23/10/2012 tại thửa đất số 24a, tờ bản đồ số 10, mang tên ông Mai Văn T và bà Trần Thị L. Sau khi xem xét nội dung đơn, rà soát hồ sơ lưu, kết quả kiểm tra thực tế, ngày 6/12/2021, UBND thị xã B ban hành Công văn số 2954/UBND-TNMT về việc trả lời đơn và hướng dẫn công dân gửi đơn đến cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

Quan điểm của Ủy ban nhân dân thị xã B như sau: UBND thị xã B đã thực hiện đúng theo đúng tinh thần pháp luật đất đai hiện hành quy định tại Khoản 26 Điều 1 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai quy định Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai có quy định: “Nhà nước không thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp trái pháp luật trong các trường hợp quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 106 của Luật Đất đai nếu người được cấp Giấy chứng nhận đã thực hiện thủ tục chuyển đổi, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và đã được giải quyết theo quy định của pháp luật.”

Trường hợp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 771894 được UBND thị xã B cấp ngày 23/10/2012 mang tên ông Mai Văn T và bà Trần Thị L có nguồn gốc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của người khác hợp pháp và đã được giải quyết theo quy định của pháp luật thì phải thực hiện theo khoản 6, Điều 87, Nghị định 43/2014/NĐ-CP: “6. Việc thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không thuộc trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 106 của Luật Đất đai chỉ được thực hiện khi có bản án hoặc quyết định của Tòa án nhân dân đã được thi hành”.

Đề nghị cơ quan Tòa án điều tra xác minh, yêu cầu đối tượng cung cấp chứng cứ trung thực khách quan để phục vụ trong xét xử, căn cứ vào hồ sơ vụ việc và các quy định của pháp luật để xem xét quyết định.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Mai Văn T và bà Trần Thị L trình bày: Năm 2012 vợ chồng tôi nhận chuyển nhượng của hộ ông Phạm Đình N (Số nhà 07, đường X, thôn Y, xã H, TP.B) 10.130 m² quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 24a, tờ bản đồ số 10, địa chỉ thửa đất tại tổ dân phố X, phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M888825 ngày 27/11/2000 do UBND huyện K (nay là B) cấp cho hộ ông Phạm Đình N. Đất có vị trí, đông giáp ông Phạm Văn B, tây giáp ông Bạch Thanh Q và ông B, nam giáp ông Nguyễn M và ông Phạm Văn B, bắc giáp ông T, bà H. Hai bên làm thủ tục đăng ký chuyển nhượng, sang tên và vợ chồng tôi được UBND thị xã B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BK 771894 ngày 23/10/2012. Kể từ đó đến nay chúng tôi sử dụng ổn định, không tranh chấp gì. Thời gian gần đây, anh M sang gặp và thông báo cho chúng tôi được biết thửa đất ghi trong giấy CNQSD đất mà chúng tôi được cấp đang chồng lên phần diện tích đất anh M đang thực tế quản lý, sử dụng. Chúng tôi kiểm tra lại giấy

CNQSD đất thì nhận thấy vị trí đất thực tế chúng tôi đang quản lý, sử dụng không đúng với vị trí thửa đất ghi trong giấy CNQSD đất. Nay anh M khởi kiện thì chúng tôi đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- **Người làm chứng ông Nguyễn T trình bày:** Vào ngày 26/3/2006 tôi có bán cho ông Nguyễn M và bà Trần Thị L (cùng trú tại: Tổ dân phố X, phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk) 01 lô đất với diện tích khoảng hơn 3000 m² (thực tế hiện nay là 3.639,9 m²). Lô đất có vị trí tứ cận như sau: Phía Đông giáp đường đi; Phía Tây giáp đất ông Tô B; Phía Nam giáp đất ông P; Phía Bắc giáp đất ông T. Lô đất tôi bán với giá là 30.000.000 đồng. Ông M, bà L đã trả đủ cho tôi số tiền trên. Tôi cũng đã giao đất cho vợ chồng ông M, bà L đúng với vị trí đất mà tôi bán. Từ khi bán cho đến nay ông M, bà L sử dụng, canh tác ổn định không có tranh chấp với ai. Nay ông M, bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét và giải quyết: Hủy giá trị pháp lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 771894 do UBND thị xã B cấp ngày 23/10/2012 mang tên ông Mai Văn T và bà Trần Thị L. Tôi đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa người khởi kiện bà Trần Thị L, người có quyền và nghĩa vụ liên quan ông Mai Văn T đề nghị Hội đồng xét xử Hủy giá trị pháp lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 771894 do UBND thị xã B cấp ngày 23/10/2012 mang tên ông Mai Văn T và bà Trần Thị L để thực hiện việc đo đạc xác định lại vị trí, diện tích thực tế để thực hiện việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đúng với vị trí, diện tích thực tế của từng gia đình đang sử dụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung: Tại công văn số 2954/UBND-TNMT ngày 06/12/2021 của UBND thị xã B về việc trả lời đơn khiếu nại của ông Nguyễn M đã xác định: “*Kết quả xác minh thực địa thì vị trí thực tế được gia đình ông Mai Văn T đang canh tác, sử dụng là thửa đất số 20, tờ bản đồ số 3, (theo bản đồ địa chính mới), không trùng với vị trí tại thửa đất đã được cấp GCNQSD đất tại thửa đất số 24a, tờ bản đồ số 10. Qua kiểm tra thực tế thửa đất số 24a, tờ bản đồ số 10, diện tích 10.130m² đã cấp GCNQSD đất cho ông Mai Văn T tại GCNQSD đất số BK 771894 ngày 23/10/2012, một phần diện tích được gia đình ông Nguyễn M và gia đình ông Mai Văn T sử dụng ổn định, không có tranh chấp, có ranh giới rõ ràng*”. Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 30/3/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk cũng xác định diện tích đất thực tế gia đình ông T đang sử dụng về hình dáng, kích thước và vị trí khác với giấy CNQSD đất số BK 771894 ngày 23/10/2012 mà UBND thị xã B cấp cho gia đình ông T. Gia đình ông M và gia đình ông T sử dụng trên 02 thửa đất khác nhau, có ranh giới rõ ràng, không có tranh chấp. Như vậy có thể xác định UBND thị xã B cấp giấy CNQSD đất số BK 771894 ngày 23/10/2012 cho ông Mai Văn T và bà Trần Thị L không đúng với vị trí thửa đất mà ông T, bà L đang canh tác, sử dụng và chồng lấn lên diện tích đất

cho ông Nguyễn M, bà Trần Thị L đang sử dụng. Do đó, việc ông M và bà L yêu cầu Tòa án tuyên hủy GCNQSD đất số BK 771894 nêu trên là có căn cứ, cần được xem xét chấp nhận.

Từ những phân tích và nhận định nêu trên, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính, đề nghị HĐXX: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn M và bà Trần Thị L, hủy giấy CNQSD đất số BK 771894 ngày 23/10/2012 của UBND thị xã B cấp cho ông Mai Văn T và bà Trần Thị L tại thửa đất số 24a, tờ bản đồ số 10, tại phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; ý kiến trình bày của các bên đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ngày 26/7/2021, ông Nguyễn M và bà Trần Thị L biết được thửa đất của gia đình đang sử dụng là một phần diện tích trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 771894 do Ủy ban nhân dân thị xã B cấp cho ông Mai Văn T và bà Trần Thị L vào ngày 23/10/2012.

Ngày 13/12/2021 ông Nguyễn M và bà Trần Thị L nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 771894 ngày 23/10/2012 do Ủy ban nhân dân thị xã B cấp cho ông Mai Văn T và bà Trần Thị L là còn trong thời hiệu khởi kiện và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk theo khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tổ tụng hành chính.

[2]. Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn M và bà Trần Thị L nhận thấy:

[2.1]. Về hình thức, thẩm quyền ban hành quyết định: Diện tích 10.130 m² đất thuộc thửa đất số 24a, tờ bản đồ số 10, địa chỉ thửa đất tại tổ dân phố 4, phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, đã được UBND thị xã B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BK 771894 ngày 23/10/2012 cho ông Mai Văn T và bà Trần Thị L. UBND thị xã B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 52 Luật Đất đai năm 2003.

[2.2] Về trình tự, thủ tục ban hành quyết định: Năm 2012 ông Mai Văn T, bà Trần Thị L nhận chuyển nhượng của hộ ông Phạm Đình N (Số nhà 07, đường X, thôn Y, xã H, TP.B) diện tích 10.130 m², thuộc thửa đất số 24a, tờ bản đồ số 10, địa chỉ thửa đất tại tổ dân phố X, phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 888825 ngày 27/11/2000 do UBND huyện K (nay là thị xã B) cấp cho hộ ông Phạm Đình N. Sau khi nhận chuyển nhượng ông T, bà L làm thủ tục đăng ký chuyển nhượng, sang tên và được UBND thị xã B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BK 771894 ngày 23/10/2012. Như vậy, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T, bà L được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

[2.3] Về căn cứ ban hành quyết định: Theo lời khai của ông Mai Văn T, bà Trần Thị L đều xác nhận sau khi nhận chuyển nhượng đất của ông N. ông T, bà L làm thủ tục đăng ký chuyển nhượng, sang tên. Do đất đã có giấy CNQSD đất nên các cơ quan chuyên môn của UBND thị xã B chỉ căn cứ vào hợp đồng chuyển nhượng và giấy CNQSD đất số M 888825 mang tên ông Phạm Đình N để làm căn cứ cấp giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất số BK 771894 ngày 23/10/2012 cho ông T, bà L mà không xuống thực địa để kiểm tra, đo đạc, không mời các hộ có đất liền kề xác định ranh giới là thiếu sót dẫn đến việc cấp sai vị trí đất cho ông T, bà L và cấp nhầm sang vị trí đất nhà ông M, bà L là cấp sai đối tượng sử dụng đất.

Hơn nữa, quá trình giải quyết vụ án, UBND thị xã B cũng đã thừa nhận việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 771894 ngày 23/10/2012 cho diện tích 10.130 m² thửa đất số 24a, tờ bản đồ số 10 mang tên ông Mai Văn T, bà Trần Thị L là sai vị trí, diện tích thực tế và sai đối tượng sử dụng đất. Ông T, bà L cho rằng đất của ông, bà nhận chuyển nhượng của hộ gia đình ông Phạm Đình N từ năm 2012 và sử dụng ổn định không tranh chấp với ai và cũng thừa nhận vị trí, diện tích đất thực tế của ông, bà đang quản lý, sử dụng không đúng với vị trí thửa đất ghi trong CNQSD đất.

Từ những phân tích nêu trên, nhận thấy việc UBND thị xã B cấp giấy CNQSD đất số BK 771894 ngày 23/10/2012 cho ông Mai Văn T, bà Trần Thị L cho thửa đất số 24a, tờ bản đồ số 10, diện tích 10.130 m² tại phường Đ, thị xã B là chưa đúng vị trí, diện tích thực tế và sai đối tượng sử dụng đất nên cần phải hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này để các đương sự kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đúng với vị trí, diện tích đất thực tế các bên đang sử dụng.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn M và bà Trần Thị L được Tòa án chấp nhận nên Ủy ban nhân dân thị xã B, tỉnh Đắk Lắk phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

[4] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tài sản: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tài sản là 2.000.000 đồng. Bà Trần Thị L đã nộp đủ và thỏa thuận chịu toàn bộ chi phí thẩm định tại chỗ (hiện đã chi phí xong).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 194; khoản 1 Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính; Áp dụng Điều 47; Điều 50; Điều 52 Luật Đất đai năm 2003, Điều 39, 40, 135 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật đất đai; điểm d khoản 2 Điều 106 Luật đất đai 2014; khoản 26 Điều 1 Nghị định 148/2020/ NĐ-CP ngày 18/12/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 43/2014 NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Đất đai 2014; Khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn M và bà Trần Thị L. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 771894 ngày 23/10/2012 của Ủy ban nhân dân thị xã B, tỉnh Đắk Lắk cấp cho ông Mai Văn T, bà Trần Thị L đối với thửa đất số 24a, tờ bản đồ số 10, diện tích 10.130 m² tại phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

[2]. Về án phí hành chính sơ thẩm: Ủy ban nhân dân thị xã B, tỉnh Đắk Lắk phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm. Ông Nguyễn M và bà Trần Thị L được trả lại số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 60AA/2021/0009975 ngày 23/12/2021 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

[3]. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tài sản: Bà Trần Thị L đã nộp 2.000.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và thoả thuận chịu toàn bộ chi phí thẩm định tại chỗ (hiện đã chi phí xong).

[4]. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- TAND cấp cao;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đinh Thị Tuyết